

Bản án số: 159/2023/DS-ST

Ngày: 29-9-2023

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Văn Te

2. Ông Đỗ Thanh Tuyền

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Thành Trung, Thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:*** Bà Huỳnh Thị Duyên Em – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2023/TLST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 328/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Công ty Cổ phần M.

Địa chỉ: Lô A4, đường số 4, KCN Sông Mỹ, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo pháp luật: Ông JOHAN CHRISTIAAN VAN DEN BAN – Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông **Trần Nhật Long H**, sinh năm: 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: 137C Hùng Vương, phường 7, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

2. ***Bị đơn:*** Bà **Phạm Thị Đ**, sinh năm: 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: số 511 tổ 1, ấp H, xã P, huyện G, tỉnh B.

3. ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

Ông **Đoàn Xuân V**, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: 134 tổ 6, ấp H, xã P, huyện G, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Nhật Long H trình bày:

Vào ngày 18/02/2017 bà Phạm Thị Đ có ký hợp đồng mua bán hàng hóa số BT143/GUINNESS/VL2017 với Công ty liên doanh dinh dưỡng thủy sản quốc tế (ANCO) để mua bán các sản phẩm thức ăn chăn nuôi thu lợi nhuận phát triển kinh tế gia đình. Sau đó, Công ty liên doanh dinh dưỡng thủy sản quốc tế (ANCO) đã đổi tên thành Công ty trách nhiệm hữu hạn MNS Feed Vĩnh Long và hiện tại theo cơ cấu tổ chức lại thì Công ty trách nhiệm hữu hạn MNS Feed Vĩnh Long đã sáp nhập vào Công ty chính và đổi tên thành Công ty Cổ phần M (sau đây gọi tắt là Công ty). Theo nội dung hợp đồng, bên mua có trách nhiệm thanh toán tiền hàng trước hoặc ngay khi nhận hàng hoặc có thỏa thuận khác theo khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng. Đến cuối tháng 9/2017, hai bên chấm dứt việc mua bán nhưng phía bà Đ, ông V vẫn chưa thanh toán đúng thỏa thuận. Theo biên bản đối chiếu công nợ tính đến ngày 31/3/2018 thì bà Đ, ông V còn nợ 788.912.334 đồng (trong đó nợ gốc là 663.531.651 đồng, lãi suất 15%/năm là 51.696.160 đồng, lãi phạt trên 30 ngày không thanh toán là 2%/tháng là 73.6843523 đồng theo Phụ lục Hợp đồng số 5).

Nay Công ty Cổ phần M yêu cầu bà Phạm Thị Đ và ông Đoàn Xuân V có trách nhiệm liên đới thanh toán số tiền còn nợ cho Công ty như sau: Tiền nợ gốc: 663.531.651 đồng; tiền lãi suất 15%/ năm tính từ ngày 01/10/2017 đến ngày 31/12/2020: 39 tháng với số tiền là 326.016.506 đồng; tiền lãi phạt trên 30 ngày không thanh toán là 1%/ tháng tính từ ngày 01/10/2017 đến ngày 30/11/2017 với số tiền 6.238.738 đồng; tiền lãi phạt trên 60 ngày không thanh toán là 2%/ tháng tính từ ngày 01/10/2017 đến 31/12/2020 với số tiền là 506.358.234 đồng, tổng cộng số tiền là 1.502.145.240 đồng, Công ty khấu trừ tiền chính sách chiết khấu cho bà Đ, ông V số tiền là 39.764.768 đồng, yêu cầu bà Đ ông V còn phải trả số tiền còn lại là 1.462.380.472 đồng và Công ty không yêu cầu tính lãi tiếp.

Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt đề ngày 25/9/2023 thì Công ty yêu cầu bà Đ, ông V có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty số tiền 788.912.334 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 21/9/2023 thì bị đơn là bà Phạm Thị Đ trình bày:

Trước đây là bà chủ đại lý thức ăn Vũ Đạm. Năm 2017 thì giữa bà và Công ty liên doanh dinh dưỡng thủy sản quốc tế (ANCO) có hợp đồng mua bán các mặt hàng thức ăn chăn nuôi. Bà mua bán thức ăn với Công ty để bán lại thu lợi nhuận phát triển kinh tế gia đình. Hình thức Công ty bán thức ăn cho bà và cho công nợ không vượt quá 700.000.000 đồng. Theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/4/2018 thì tính đến ngày 31/3/2018 bà còn nợ Công ty số tiền 788.912.334 đồng, trong đó công nợ không vượt quá 700.000.000 đồng phần còn lại là Công ty tính tiền lãi, mức lãi suất bao nhiêu thì bà không nhớ. Bà và ông Đoàn Xuân V là vợ chồng, thời điểm bà mua bán kinh doanh thức ăn để phát triển kinh tế gia đình. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty thì bà đồng ý trả cho Công ty số tiền theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/4/2018 là 788.912.334 đồng, bà xin

không trả lãi do hoàn cảnh kinh tế của bà khó khăn, bà không còn kinh doanh đại lý thức ăn nữa, thu nhập của hai vợ chồng cũng không ổn định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phát biểu:

1. Về tố tụng:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành luật tố tụng của nguyên đơn: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành luật tố tụng của bị đơn: Bà Phạm Thị Đ chưa thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành luật tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Đoàn Xuân V chưa thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 73 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung:

Căn cứ vào Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự, Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần M.

Buộc bà Phạm Thị Đ và ông Đoàn Xuân V liên đới trả cho Công ty Cổ phần M số tiền nợ thức ăn là 788.912.334 đồng.

Về lãi suất: ghi nhận việc Công ty Cổ phần M không yêu cầu tính lãi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Ông Trần Nhật Long H là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Cổ phần M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt Bị đơn là bà Phạm Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Xuân V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Trần Nhật Long H, bà Phạm Thị Đ và ông Đoàn Xuân V.

Bà Phạm Thị Đ ký kết hợp đồng với Công ty liên doanh dinh dưỡng thủy sản quốc tế (ANCO), tuy nhiên căn cứ các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp có cơ sở xác định Công ty liên doanh dinh dưỡng thủy sản quốc tế (ANCO) qua các lần đổi tên và sáp nhập thì Công ty liên doanh dinh dưỡng thủy sản quốc tế (ANCO) hiện có tên là Công ty Cổ phần M (BL 12-16) nên Công ty Cổ phần M có quyền khởi kiện đối với bà Đ.

[2]. *Về nội dung vụ án:*

[2.1] Vào ngày 18/02/2017 giữa Công ty liên doanh dinh dưỡng thủy sản quốc tế (ANCO) và bà Phạm Thị Đ có ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa số BT143/GUINNESS/VL/2017 để giao dịch mua bán các sản phẩm thức ăn chăn nuôi. Sau đó, Công ty liên doanh dinh dưỡng thủy sản quốc tế (ANCO) đã đổi tên thành Công ty trách nhiệm hữu hạn MNS Feed Vĩnh Long và hiện tại theo cơ cấu tổ chức lại thì Công ty trách nhiệm hữu hạn MNS Feed Vĩnh Long đã sáp nhập vào Công ty chính và đổi tên thành Công ty Cổ phần M.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Công ty Cổ phần M yêu cầu bà Phạm Thị Đ và ông Đoàn Xuân V có nghĩa vụ liên đới trả cho Công ty số tiền còn nợ là 788.912.334 đồng.

Căn cứ nguyên đơn khởi kiện là Hợp đồng mua bán hàng hóa số BT143/GUINNESS/VL/2017 và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/4/2018. Theo nội dung Hợp đồng mua bán hàng hóa thì bên bán là Công ty liên doanh dinh dưỡng thủy sản quốc tế (ANCO); bên mua là Đại lý thức ăn Vũ Đạm do bà Phạm Thị Đ là Chủ đại lý làm đại diện; bên mua có trách nhiệm thanh toán toàn bộ giá trị tiền hàng trước hoặc ngay khi nhận hàng và/hoặc trường hợp có thỏa thuận khác theo khoản 5.2 Điều 5 của Hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng mua bán thì phía bà Đ chưa thanh toán đúng thỏa thuận cho Công ty. Đến ngày 05/4/2018 giữa Công ty và bà Đ có lập Biên bản đối chiếu công nợ, theo đó thì tính đến ngày 31/3/2018 phía bà Đ còn phải thanh toán cho Công ty số tiền tổng cộng là 788.912.334 đồng. Hiện hai bên đã chấm dứt việc mua bán. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ cũng thừa nhận vào năm 2017 giữa bà và Công ty liên doanh dinh dưỡng thủy sản quốc tế (ANCO) (hiện là Công ty Cổ phần M) có ký kết hợp đồng mua bán các mặt hàng thức ăn chăn nuôi. Tính đến ngày 31/3/2018 thì bà còn nợ Công ty số tiền 788.912.334 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 05/4/2018 và đồng ý có nghĩa vụ trả số tiền này. Do đó, Công ty Cổ phần M khởi kiện yêu cầu bà Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty số tiền 788.912.334 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[2.2] Về trách nhiệm liên đới:

Công ty yêu cầu ông Đoàn Xuân V phải có nghĩa vụ liên đới với bà Phạm Thị Đ thanh toán số tiền nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy, bà Đ và ông V là vợ chồng hợp pháp, có đăng ký kết hôn. Bà Đ mua bán thức ăn chăn nuôi để phát triển kinh tế gia đình. Theo Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình quy định “1. *Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1, Điều 30...*”. Khoản 1, điều 30 Luật hôn nhân và gia đình quy định: “1. *Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.*” Do đó, cần buộc ông V phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà Đ thanh toán cho Công ty số tiền 788.912.334 đồng.

[2.3]. Về lãi suất:

Công ty Cổ phần M không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên, xét thấy đây là sự tự nguyện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3]. Về án phí:

Do yêu cầu của Công ty được chấp nhận nên bà Đ, ông V phải liên đới chịu án phí là 35.556.493 đồng.

Công ty Cổ phần M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; các Điều 430, 440 của Bộ luật dân sự; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần M đối với bị đơn là bà Phạm Thị Đ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đoàn Xuân V về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

2. Buộc bà Phạm Thị Đ và ông Đoàn Xuân V có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Công ty Cổ phần M số tiền là 788.912.334 (bảy trăm tám mươi tám triệu chín trăm mười hai nghìn ba trăm ba mươi bốn) đồng.

Ghi nhận việc Công ty Cổ phần M không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Đ và ông Đoàn Xuân V phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 35.556.493 (ba mươi lăm triệu năm trăm năm mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi ba) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

Công ty Cổ phần M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên hoàn lại cho Công ty Cổ phần M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 27.935.000 (hai mươi bảy triệu chín trăm ba mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003122 ngày 01/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hồng Đang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Đang